

Số: 748/BC-CTK

Sơn La, ngày 28 tháng 11 năm 2018

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2018

#### I. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

##### 1. Nông nghiệp

##### a. Trồng trọt

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào thu hoạch cây trồng vụ mùa và chuẩn bị cho gieo trồng vụ đông xuân. Tính đến ngày 15/11 toàn tỉnh đã thu hoạch được 102.215 tấn lúa, 459.215 tấn ngô, 28.025 tấn sắn, 26.818 tấn rau, đậu các loại, 14.348 tấn dong riềng, 1.046 tấn khoai lang, 394 tấn lạc, 289 tấn đậu tương, 268 tấn mía. So với cùng kỳ năm trước sản lượng lúa tăng 2,5%; ngô giảm 16,7%; sắn giảm 2,6%; rau, đậu các loại tăng 16,4%; dong riềng tăng 1,4%; khoai lang tăng 8,8%; lạc tăng 11,9%; đậu tương tăng 12,5%; mía tăng 54,9%.

Theo báo cáo sơ bộ, vụ mùa năm nay toàn tỉnh gieo trồng 38.584 ha lúa, trong đó lúa ruộng 18.968 ha, lúa nương 19.616 ha và 112.266 ha ngô. So với vụ mùa năm 2017, diện tích lúa giảm 0,8%, trong đó lúa ruộng tăng 0,6%, lúa nương giảm 2,2%, ngô giảm 18,1%, diện tích lúa nương và ngô giảm do một số diện tích bỏ hoang hoặc chuyển đổi sang trồng cây khác. Năng suất lúa mùa ruộng ước đạt 45,3 tạ/ha, tăng 1,1%; năng suất lúa nương đạt 13,2 tạ/ha, tăng 1,2%; năng suất ngô đạt 41,3 tạ/ha, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước.

Diện tích cây lâu năm tiếp tục phát triển với diện tích hiện có 44.623 ha cây ăn quả, tăng 28,5% so với cùng kỳ năm 2017; 29.330 ha cây lấy sản phẩm chủ yếu cho công nghiệp chế biến, tăng 4,4%. Diện tích cây ăn quả tăng chủ yếu do có chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển của tỉnh, trong 11 tháng năm nay đã trồng mới 6.299 ha cây ăn quả trên đất dốc và 2.221 ha cây ghép lai cho năng suất và chất lượng cao, nâng tổng diện tích cây ăn quả trồng trên đất dốc lên 25.410 ha và 10.418 ha cây lâu năm ghép lai. Diện tích cây trồng đạt tiêu chuẩn VietGap hiện có: 260 ha chè, 306 ha rau các loại, 345 ha nhãn, 105 ha mận, 50 ha xoài, 20 ha na, 17 ha cam, 08 ha chanh leo, 05 ha thanh long, 05 ha dâu tây, 04 ha bưởi, 04 ha hồng, 02 ha bơ và 01 ha vải.

Sản lượng thu hoạch cây lâu năm tính chung 11 tháng đạt 60.641 tấn nhãn, tăng 52,0% so với cùng kỳ năm trước; 19.104 tấn xoài, tăng 55,7%; 37.307 tấn mận, tăng 3,6%; 27.497 tấn chuối, tăng 16,0%; 169 tấn thanh long, tăng 30,0%; 2.440 tấn cam, tăng 59,8%; 1.854 tấn bưởi, tăng 64,2%; 2.808 tấn bơ, tăng

33,2%; 8.159 tấn chanh leo, tăng 117,1%; 19.101 tấn cà phê, tăng 2,1%; 42.105 tấn chè, tăng 2,7%; 1.057 tấn cao su, tăng 2,8 lần.

Trong tháng xuất hiện dịch bệnh đối với một số cây trồng: Lúa 90 ha, chè 17 ha, cà phê 92 ha, cây ăn quả 67 ha, tuy nhiên không có diện tích mất trắng, dự ước giá trị thiệt hại 143 triệu đồng.

### **b. Chăn nuôi**

Chăn nuôi gia súc, gia cầm nhìn chung ổn định, không xảy ra dịch bệnh. Đàn trâu toàn tỉnh tháng 11 ước tính 137.699 con, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò 322.715 con, tăng 10,4%; đàn lợn 588.401 con, giảm 0,6%; đàn gia cầm 6.652 nghìn con, tăng 6,5%.

Sản lượng sản phẩm thịt trâu hơi xuất chuồng trong tháng ước đạt 425 tấn, thịt bò 344 tấn, thịt lợn 4.117 tấn, thịt gia cầm 1.302 tấn, sản lượng sữa tươi 8.327 tấn, trứng gia cầm 3.957 nghìn quả. Tính chung 11 tháng, sản lượng sản phẩm thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 4.396 tấn, tăng 0,6%; thịt bò 4.664 tấn, tăng 4,8%; thịt lợn 41.951 tấn, tăng 0,9%; thịt gia cầm 10.231 tấn, tăng 2,8%; sản lượng sữa tươi 82.066 tấn, tăng 11,1%; trứng gia cầm 60.037 nghìn quả, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước.

Công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm 11 tháng đạt 1.385.505 liều vắc xin Niu cát sơn; 564.987 liều vắc xin lở mồm long móng; 417.195 liều vắc xin THT trâu, bò; 169.693 liều vắc xin dịch tả lợn; 124.000 liều vắc xin đại chó và 106.100 liều vắc xin ung khí thán. Công tác kiểm dịch xuất và nhập gia súc, gia cầm được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo kịp thời phát hiện và xử lý nhanh các trường hợp mắc bệnh, tránh dịch bệnh lây lan ra diện rộng.

### **2. Lâm nghiệp**

Trong tháng 11 sản lượng gỗ khai thác ước đạt 3.940 m<sup>3</sup>, giảm 5,1%; củi khai thác ước đạt 66.240 ste, giảm 8,1%. Tính chung 11 tháng, sản lượng gỗ khai thác đạt 37.600 m<sup>3</sup>, giảm 2,2%; củi khai thác đạt 821.320 ste, tăng 1,0% so với cùng kỳ.

Số vụ vi phạm lâm luật trong tháng 11 là 38 vụ với số tiền phạt vi phạm hành chính 97 triệu đồng. Tính chung 11 tháng, số vụ vi phạm lâm luật là 427 vụ, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm trước (*do các cấp, các ngành quan tâm, thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng*); số tiền phạt vi phạm hành chính là 2.782 triệu đồng, giảm 12,0%; diện tích rừng bị thiệt hại 22,4 ha, giảm 18,5%, trong đó diện tích rừng bị cháy 6,6 ha, tăng 28,2%; diện tích rừng bị chặt phá 15,8 ha, giảm 29,5%.

### **3. Thủy sản**

Diện tích nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh đến tháng 11/2018 đạt 2.687 ha, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó diện tích nuôi cá 2.654 ha, giảm 0,5%. Số lồng bè nuôi trồng thủy sản đạt 9.318 chiếc, tăng 4,7% với thể tích đạt 783.786 m<sup>3</sup>, tăng 3,8%.

Trong tháng 11, sản lượng thủy sản ước tính đạt 596,6 tấn, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng nuôi trồng 475,4 tấn, tăng 3,3%; sản lượng khai thác 121,2 tấn, tăng 13,2%.

Tính chung 11 tháng, sản lượng thủy sản ước tính đạt 7.056,2 tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng nuôi trồng 5.926,7 tấn, tăng 6,9%; khai thác 1.129,5 tấn, tăng 1,0%. Sản lượng giống thủy sản đạt 109 triệu con, giảm 5,2%.

## II. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 11/2018, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh giảm sút với chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính giảm 28,6% so với tháng trước và giảm 12,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 19,6% và giảm 4,6%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,6% và tăng 17,5%; sản xuất và phân phối điện giảm 37,2% và giảm 16,4%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 20,8% và tăng 16,8%. Sản xuất công nghiệp tháng 11 giảm chủ yếu do ngành sản xuất điện chiếm tỷ trọng cao trong toàn ngành nhưng sản lượng điện sản xuất trong tháng giảm 37,5% so với tháng trước và giảm 23,1% so với cùng kỳ năm trước (*trong đó thủy điện Sơn La giảm 39,2% và giảm 16,5%; thủy điện Huội Quảng giảm 28,3% và giảm 25,0%*).

Tính chung 11 tháng, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,6%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 1,4%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,7%; ngành khai khoáng giảm 14,9%.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 11 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: In, sao chép bản ghi các loại tăng 29,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 19,2%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 16,3%; dệt tăng 14,8%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 9,9%; sản xuất và phân phối điện tăng 1,4%. Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) giảm 73,3%; sản xuất đồ uống giảm 22,1%; khai khoáng khác giảm 14,9%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải giảm 7,5%; khai thác, xử lý và cung cấp nước giảm 0,8%.

Trong 11 tháng năm nay, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Mật đường tăng 102,0%; sản phẩm in khác tăng 29,9%; sữa chua, sữa và kem lên men hoặc axit hoá tăng 21,1%; xi măng tăng 18,2%; đường chua luyện tăng 17,6%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Điện thương phẩm tăng 3,2%; sữa và kem chưa cô đặc, chưa pha thêm đường và chất ngọt khác tăng 3,0%; chè nguyên chất và điện sản xuất cùng tăng 1,3% (*trong đó thủy điện Sơn La giảm 0,2%, thủy điện Huội Quảng tăng 2,8%*); nước tinh khiết tăng 0,7%; nước uống được giảm 2,1%; dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế giảm 7,5%; đá xây dựng các loại giảm 14,9%; bia hơi giảm 27,1%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 11 ước tính giảm 17,5% so với tháng trước và tăng 17,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng, chỉ số tiêu thụ ngành chế biến, chế tạo tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 161,6%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 48,8%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 29,5%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 13,0%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 5,7%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm: Sản xuất đồ uống giảm 25,2%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 48,4%; dệt giảm 92,5%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 11 tăng 106,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với mức tăng chung: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 138,4%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 2,2 lần; dệt tăng 3,7 lần; riêng ngành sản xuất chế biến thực phẩm tăng thấp hơn mức tăng chung, tăng 95,5%.

### **III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Trong tháng 11, toàn tỉnh có 24 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 500,8 tỷ đồng, tăng 20,0% về số doanh nghiệp và tăng 3,6 lần về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 20,9 tỷ đồng, tăng 2,8 lần. Cũng trong tháng, toàn tỉnh có 02 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, giảm 50,0% so với cùng kỳ năm trước; 03 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 50,0%.

Tính chung 11 tháng năm nay, toàn tỉnh có 267 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 2.561 tỷ đồng, giảm 12,7% về số doanh nghiệp và giảm 14,9% số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,6 tỷ đồng, giảm 2,5%. Số doanh nghiệp gặp khó khăn phải tạm ngừng hoạt động là 58 doanh nghiệp, tăng 11,5%; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 34 doanh nghiệp, tăng 54,5%.

### **IV. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

#### **1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa trong tháng tương đối ổn định, ước tính đạt 1.698.533 triệu đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước. Các nhóm ngành hàng so với cùng kỳ năm trước đều tăng, trong đó tăng cao nhất là nhóm: Lương thực, thực phẩm tăng 11,8%; ô tô các loại tăng 11,2%; xăng dầu các loại tăng 10,9%; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) tăng 9,9%; các nhóm ngành hàng khác tăng từ 4,8% đến 9,4%.

Tính chung 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 17.713.407 triệu đồng, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Nhóm ô tô các loại tăng 11,3%; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy tăng 11,2%; nhóm lương thực,

thực phẩm và xăng, dầu các loại cùng tăng 10,8%; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) tăng 10,6%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 10,4%; các nhóm ngành hàng khác tăng từ 8,8% đến 9,8%.

## **2. Doanh thu hoạt động dịch vụ**

Doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 11 ước tính đạt 469.654 triệu đồng, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 15.262 triệu đồng, tăng 1,8% và tăng 9,0%; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 151.683 triệu đồng, tăng 1,4% và tăng 9,9%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 1.666 triệu đồng, tăng 2,3% và tăng 24,9%; doanh thu dịch vụ khác đạt 301.043 triệu đồng, tăng 1,3% và tăng 8,1%.

Tính chung 11 tháng, doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 4.958.701 triệu đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Dịch vụ lưu trú tăng 7,4%; dịch vụ ăn uống tăng 8,3%; dịch vụ khác tăng 8,4%; riêng du lịch lữ hành giảm 11,2%.

## **3. Vận tải hành khách và hàng hoá**

Vận tải hành khách và hàng hóa trên các tuyến ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đi lại của nhân dân. Vận tải hành khách tháng 11 ước tính đạt 346 nghìn lượt khách và 32.487 nghìn lượt khách.km, so với tháng trước tăng 1,1% và tăng 1,2%, so với cùng kỳ năm trước tăng 18,6% và tăng 20,8%. Tính chung 11 tháng năm nay, vận tải hành khách đạt 3.486 nghìn lượt khách, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước và 337.092 nghìn lượt khách.km, tăng 10,3%, trong đó vận tải hành khách đường bộ ước đạt 3.155 nghìn lượt khách, tăng 9,6% và 333.387 nghìn lượt khách.km, tăng 10,2%.

Doanh thu vận tải hành khách tháng 11 ước tính đạt 32.679 triệu đồng, tăng 1,7% so với tháng trước và tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 327.780 triệu đồng, tăng 11,6%, trong đó doanh thu vận tải hành khách đường bộ 317.396 triệu đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hóa tháng 11 ước tính đạt 439 nghìn tấn và 49.805 nghìn tấn.km, so với tháng trước tăng 2,1% và tăng 2,6%, so với cùng kỳ năm trước tăng 16,7% và tăng 17,4%. Tính chung 11 tháng, vận tải hàng hóa đạt 4.505 nghìn tấn, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước và 515.186 nghìn tấn.km, tăng 10,3%, trong đó vận tải hàng hóa đường bộ ước đạt 4.446 nghìn tấn, tăng 9,4% và 513.365 nghìn tấn.km, tăng 10,3%.

Doanh thu vận tải hàng hóa tháng 11 ước tính đạt 147.844 triệu đồng, tăng 2,8% so với tháng trước và tăng 18,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 1.543.731 triệu đồng, tăng 11,0%, trong đó doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ 1.536.588 triệu đồng, tăng 11,0% so với cùng kỳ năm 2017.

Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 11 ước tính đạt 3.744 triệu đồng, tăng 8,9% so với tháng trước và tăng 21,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng, doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 42.594 triệu đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu bốc xếp hàng hóa đạt 664 triệu đồng, tăng 14,5%; doanh thu hoạt động khác 41.930 triệu đồng, tăng 9,7%.

## **V. VỐN ĐẦU TƯ**

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý tháng 11 ước tính đạt 315.613 triệu đồng, tăng 13,6% so với tháng trước và tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 252.382 triệu đồng, tăng 17,3% và tăng 15,8%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 63.231 triệu đồng, tăng 0,8% và tăng 48,5%.

Tính chung 11 tháng, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 2.454.977 triệu đồng, bằng 87,6% kế hoạch năm và tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 1.845.648 triệu đồng, bằng 86,0% và tăng 9,7%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện 609.329 triệu đồng, bằng 93,1% và tăng 43,9%.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý 11 tháng năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước do có sự chỉ đạo chặt chẽ, quyết liệt của UBND tỉnh, các huyện, thành phố; các chủ đầu tư đã tập trung đôn đốc các nhà thầu để đẩy nhanh tiến độ các dự án, đặc biệt các dự án lớn, dự án trọng điểm của tỉnh. Tuy nhiên, tiến độ giải ngân một số nguồn vốn còn đạt thấp như: Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn cấp quyền sử dụng đất. Để đảm bảo tiến độ, chất lượng các chương trình, dự án, UBND tỉnh, các huyện, thành phố và các chủ đầu tư cần tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ, quyết liệt, tăng cường kiểm tra, đôn đốc các nhà thầu tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân các công trình, dự án trên địa bàn; nâng cao trách nhiệm quản lý của người đứng đầu, các chủ đầu tư; đối với các dự án khi có khối lượng hoàn thành cần khẩn trương nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ thanh toán; tiếp tục rà soát, cân đối và phân bổ bổ sung các nguồn vốn, trong đó ưu tiên cho dự án khắc phục hậu quả do mưa lũ...

## **VI. TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

### **1. Thu, chi ngân sách nhà nước**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tháng 11 ước tính đạt 1.260,1 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu cân đối ngân sách nhà nước đạt 533,2 tỷ đồng, tăng 0,4% và tăng 6,4%; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 726,8 tỷ đồng, tăng 2,5% và giảm 1,8%.

Tính chung 11 tháng, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước tính đạt 15.171,8 tỷ đồng, bằng 113,6% dự toán năm và tăng 18,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu cân đối ngân sách nhà nước đạt 7.452,3 tỷ đồng, bằng 162,5% và tăng 31,0%; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 7.660,0 tỷ đồng, bằng

87,4% và tăng 7,8%. Trong thu cân đối ngân sách nhà nước, thu nội địa ước đạt 4.423,3 tỷ đồng, bằng 99,4% và tăng 9,9%; thu hải quan ước đạt 51,0 tỷ đồng, bằng 141,7% và tăng 30,0%.

Tổng chi ngân sách nhà nước tháng 11 ước tính đạt 1.463,8 tỷ đồng, tăng 8,7% so với tháng trước và tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng, tổng chi ngân sách nhà nước ước đạt 13.187,1 tỷ đồng, bằng 100,6% dự toán năm và tăng 49,0% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Chi thường xuyên đạt 9.361,7 tỷ đồng, bằng 104,6% và tăng 44,4%; chi đầu tư phát triển đạt 1.655,0 tỷ đồng, bằng 107,4% và tăng 27,7%; chi chương trình mục tiêu quốc gia, hỗ trợ mục tiêu đạt 1.683,7 tỷ đồng, bằng 81,3% và tăng 83,9%.

## **2. Thu chi tiền mặt qua quỹ ngân hàng, tín dụng**

Hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn ổn định, tổng thu tiền mặt qua quỹ ngân hàng 11 tháng ước thực hiện 88.752 tỷ đồng, tổng chi tiền mặt ước thực hiện 89.260 tỷ đồng, bội chi 508 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, tổng thu tiền mặt tăng 5,0%, tổng chi tiền mặt tăng 2,7%.

Dư nợ tín dụng ước đạt 33.500 tỷ đồng, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dư nợ ngắn hạn đạt 15.300 tỷ đồng, tăng 22,2%; dư nợ trung dài hạn đạt 18.200 tỷ đồng, tăng 12,6%. Trong tổng dư nợ, dư nợ cho vay các đối tượng chính sách đến 31/10/2018 là 3.902 tỷ đồng, chiếm 11,6%; nợ xấu toàn địa bàn là 262 tỷ đồng, chiếm 0,8%.

Huy động vốn tại địa phương tính đến tháng 11/2018 đạt 16.600 tỷ đồng, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tiền gửi tiết kiệm 13.500 tỷ đồng, tăng 18,3%; tiền gửi các tổ chức kinh tế 3.035 tỷ đồng, tăng 0,4%; tiền gửi giấy tờ có giá 65 tỷ đồng, giảm 56,3%.

## **VII. XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA**

### **1. Xuất khẩu hàng hóa**

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 11 ước tính đạt 1.904,0 nghìn USD, tăng 12,1% so với tháng trước, tăng ở tất cả các mặt hàng xuất khẩu, trong đó: xuất khẩu chè đạt 1.346,0 nghìn USD, tăng 14,3% (*mặt hàng này chiếm tỷ trọng lớn với 70,7% trong kim ngạch xuất khẩu*); hạt rau quả các loại đạt 398,0 nghìn USD, tăng 9,0%; hàng dệt may đạt 45,0 nghìn USD, tăng 4,7%; tơ tằm đạt 115,0 nghìn USD, tăng 2,7%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 11 tăng 41,5%, chủ yếu do xuất khẩu chè tăng 75,9%; hạt rau quả các loại tăng 37,2 lần; xuất khẩu tơ tằm và hàng dệt may cùng kỳ năm 2017 không phát sinh. Thị trường xuất khẩu chủ yếu trong tháng: Đài Loan, Apganixtan, Nhật Bản, Ấn Độ.

Tính chung 11 tháng, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 12.107,9 nghìn USD, tăng 51,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó kim ngạch một số mặt hàng chủ lực tiếp tục tăng so với cùng kỳ: Hạt rau quả các loại đạt 876,7 nghìn USD, tăng 83,3 lần; ngô giống đạt 352,5 nghìn USD, tăng 2,0 lần; xi

măng đạt 105,2 nghìn USD, tăng 76,8%; chè đạt 9.795,7 nghìn USD, tăng 34,1%. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Lõi ngô ép đạt 28,6 nghìn USD, giảm 56,0%; tơ tằm đạt 339,2 nghìn USD, giảm 23,1%. Về thị trường hàng hóa xuất khẩu, Apganixtan vẫn là thị trường lớn nhất với kim ngạch đạt 8.260,7 nghìn USD; tiếp đến là Đài Loan đạt 1.488,6 nghìn USD; Ấn Độ đạt 949,2 nghìn USD; Nhật Bản đạt 876,7 nghìn USD; Lào đạt 457,7 nghìn USD; Trung Quốc đạt 46,4 nghìn USD; Hàn Quốc đạt 28,6 nghìn USD.

## **2. Nhập khẩu hàng hóa**

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 11 ước tính đạt 1.914,0 nghìn USD, tăng 11,6% so với tháng trước, các mặt hàng nhập khẩu đều tăng, trong đó: Nhập khẩu máy móc thiết bị đạt 634,0 nghìn USD, tăng 6,2%; hàng hoá khác đạt 500,0 nghìn USD, tăng 8,0%; phân bón đạt 600,0 nghìn USD, tăng 25,0%; cỏ Anphapha đạt 180,0 nghìn USD, tăng 2,9%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 11 giảm 42,2%, trong đó nhập khẩu hàng hoá khác giảm 67,7%; nhập khẩu máy móc thiết bị giảm 43,7%; bên cạnh đó một số mặt hàng nhập khẩu tăng: Cỏ Anphapha tăng 20,0%; phân bón tăng 25,0%.

Tính chung 11 tháng, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 19.494,9 nghìn USD, giảm 30,8% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do nhập khẩu hàng hoá khác đạt 1.603,2 nghìn USD, giảm 73,1%; phân bón đạt 3.254,2 nghìn USD, giảm 55,8%, máy móc thiết bị đạt 13.004,5 nghìn USD, giảm 4,0%; riêng nhập khẩu cỏ Anphapha đạt 1.633,0 nghìn USD, tăng 24,4%.

## **VIII. CHỈ SỐ GIÁ**

### **1. Chỉ số giá tiêu dùng**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2018 so với tháng trước tăng 0,14%, trong đó khu vực thành thị tăng 0,10%; khu vực nông thôn tăng 0,17%. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ, 05 nhóm có chỉ số giá tăng so với tháng trước: Hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,34% (*chủ yếu ở dịch vụ về hỉ*); may mặc, mũ nón giày dép tăng 0,31% (*do thời tiết chuyển mùa, nhu cầu mua sắm của người dân tăng*); hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,15% (*lương thực tăng 0,14%, thực phẩm tăng 0,18%*); thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,12%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,01%. 02 nhóm có chỉ số giá giảm so với tháng trước: Giao thông giảm 1,60% (*do giá xăng, dầu giảm 4,17% theo Quyết định giảm giá ngày 06 và ngày 21/11 của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, bình quân giá xăng giảm 1.227 đồng/lít, dầu giảm 209 đồng/lít*); nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,62% (*chủ yếu do giá gas giảm 9,09%, điện sinh hoạt giảm 0,90%, vật liệu xây dựng cơ bản giảm 0,75%*). Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số ổn định.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11/2018 tăng 2,50% so với tháng 12/2017 và tăng 2,62% so với cùng kỳ năm trước.

Dự báo tháng 12/2018 giá cả thị trường tăng.



## **2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ**

Chỉ số giá vàng tháng 11/2018 ổn định so với tháng trước, giảm 0,50% so với tháng 12/2017 và giảm 0,63% so với cùng kỳ năm trước, giá vàng 99,99% bán ra bình quân trong tháng là 3.637.000 đồng/chỉ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 11/2018 so với tháng trước giảm 0,05%, so với tháng 12/2017 tăng 2,71% và so với cùng kỳ năm trước cùng tăng 2,71%.

## **IX. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **1. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội**

Trong tháng đời sống cán bộ, công nhân, viên chức và người hưởng bảo hiểm xã hội ổn định, trên địa bàn tỉnh không xảy ra tình trạng thiếu đói giáp hạt.

Công tác an sinh xã hội tiếp tục được các cấp chính quyền địa phương, cơ quan chức năng quan tâm thực hiện, đã tổ chức trao 20 suất học bổng trị giá 10 triệu đồng, 1.000 bộ quần áo trị giá trên 100 triệu đồng, 50 chăn ấm và một số vật dụng khác cho các đối tượng hộ nghèo, trẻ em nghèo huyện Vân Hồ. Phối hợp với Quỹ Bảo trợ trẻ em trao 50 suất học bổng trị giá 50 triệu đồng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; bảo trợ dài hạn 08 suất với tổng kinh phí 90 triệu đồng tại các huyện, thành phố.

Ngân hàng chính sách xã hội đã thực hiện các chương trình cho vay đối với 2.036 lượt hộ, tổng số tiền 70.090 triệu đồng. Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, tuyển sinh học nghề cho 340 người; trong đó: giới thiệu và cung ứng 17 lao động cho các khu công nghiệp trong nước; 01 lao động đi làm việc ở nước ngoài; chuyển đổi và tạo việc làm cho 1.900 lao động; tuyển sinh đào tạo dạy nghề đạt 537 học viên, tốt nghiệp 4.655 người; tổ chức 12 hội nghị tư vấn, tuyên truyền về chính sách học nghề, việc làm, xuất khẩu lao động, chính sách bảo hiểm thất nghiệp tại 12 xã thuộc huyện Mộc Châu và Sông Mã.

Theo báo cáo sơ bộ, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh năm 2018 khoảng 72.194 hộ, chiếm 25,67% tổng số hộ trên toàn tỉnh, giảm 3,6% so với năm 2017.

### **2. Giáo dục và đào tạo**

Trong tháng ngành Giáo dục tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ năm học 2018-2019. Tích cực thi đua lập thành tích kỷ niệm 36 năm ngành nhà giáo Việt Nam với nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa tri ân các nhà giáo.

Tổ chức thành công Hội thi giáo viên dạy giỏi THCS cấp tỉnh lần thứ X với 177 giáo viên tham dự, 124 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

Chỉ đạo, theo dõi công tác tổ chức ôn luyện đội tuyển học sinh giỏi Quốc gia năm 2019. Phối hợp với liên ngành kiểm tra, công nhận trường học đạt chuẩn Quốc gia cho một số trường học mầm non, tiểu học của huyện Mai Sơn, Sông Mã và Bắc Yên.

### **3. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Ngành y tế tiếp tục triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh, phát hiện sớm, khống chế kịp thời các bệnh dịch, đặc biệt là dịch sởi, cúm A(H7N9),

dịch bệnh Zika và não mô cầu ở người, các bệnh lây truyền qua đường hô hấp... Trong tháng, xảy ra 05 ca dịch về quai bị, tay chân miệng, thủy đậu, đau mắt đỏ và sỏi tại các huyện Thuận Châu và Yên Châu làm 126 ca mắc, không có tử vong; một số bệnh truyền nhiễm mắc rải rác: Sởi 05 trường hợp, viêm gan vi rút B 05 trường hợp, lỵ trực trùng 09 trường hợp, lao phổi 06 trường hợp, quai bị 113 trường hợp, tay chân miệng 56 trường hợp, thủy đậu 97 trường hợp. Số người nhiễm HIV 23 trường hợp, tử vong do AIDS 08 trường hợp; số trường hợp tử vong do dại 01 trường hợp, lao phổi 02 trường hợp và viêm não vi rút 01 trường hợp; ngộ độc thực phẩm 01 vụ với 02 trường hợp mắc, 91 trường hợp mắc rải rác, không có tử vong.

Tổ chức tốt công tác khám, điều trị, cấp cứu, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ với tổng số lượt khám bệnh trong tháng 11 là 172.929 lượt; số bệnh nhân điều trị nội trú 20.654 người; số bệnh nhân điều trị ngoại trú 74.561 người; số bệnh nhân chuyên tuyến 9.935 lượt, trong đó chuyển về Trung ương 548 lượt. Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế về lĩnh vực y tế.

#### **4. Văn hóa, thông tin, thể thao**

Tổ chức tốt công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuyên truyền công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống ma túy, tham nhũng, lãng phí...

Trong tháng đã tổ chức tuyên truyền giới thiệu sách 25 cuộc; phục vụ 7.930 lượt khách tham quan tại Bảo tàng tỉnh và các điểm di tích; hoàn thành 02 chương trình nghệ thuật chuyên đề “Sơn La - Hòa Phấn - Bản tình ca hữu nghị”; trưng bày triển lãm, giới thiệu, quảng bá sản phẩm văn hoá, du lịch tham gia sự kiện “Những ngày văn hoá - Du lịch Sơn La và Hòa Phấn”. Tổ chức tổng kết và trao giải cuộc thi ảnh đẹp du lịch Sơn La năm 2018.

Thể thao quần chúng đã tổ chức thành công giải bóng bàn toàn tỉnh năm 2018. Thể thao thành tích cao duy trì công tác huấn luyện, quản lý các đội tuyển tỉnh (33 VĐV), đội tuyển trẻ (876 VĐV), đội năng khiếu (44 VĐV). Tham gia thi đấu Đại hội thể dục thể thao toàn quốc năm 2018 gồm các môn: Si lát, Boxing, Tây côn đồ, Muya tại Thành phố Hà Nội; môn xe đạp thi đấu tại tỉnh Hòa Bình.

Phát thanh tiếng phổ thông thực hiện 90 chương trình, sử dụng 584 tin, bài, phóng sự và 117 chuyên đề, chuyên mục; tiếng dân tộc 120 chương trình, sử dụng 569 tin, bài, phóng sự, gương người tốt, việc tốt, 246 chuyên đề, chuyên mục.

Truyền hình tiếng phổ thông thực hiện 270 chương trình, sử dụng 1.060 tin, bài, phóng sự, gương người tốt, việc tốt và 221 chuyên đề, chuyên mục; tiếng dân tộc 70 chương trình, sử dụng 478 tin, bài, phóng sự, gương người tốt, việc tốt, 34 chuyên đề, chuyên mục; 08 chương trình cộng tác với VTV.

## 5. Công tác phòng chống ma túy

Theo báo cáo của Ban chỉ đạo 2968 đến ngày 15/11/2018 toàn tỉnh có 8.785 người nghiện ma túy đang trong diện quản lý, trong đó có 1.718 người đang cai nghiện tập trung tại các cơ sở điều trị nghiện ma túy (trong đó 1.674 trường hợp cưỡng chế, 19 tự nguyện, 21 hỗ trợ cắt cơn), 01 người đang quản lý sau cai, 1.343 người đang điều trị bằng Methadone.

Hiện trên địa bàn tỉnh còn 09 điểm, 55 đối tượng có biểu hiện bán lẻ, chứa chấp, tổ chức sử dụng ma túy ở 30 tổ, bản thuộc 17 xã, thị trấn.

## 6. An toàn giao thông

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 06 vụ tai nạn và 04 vụ va chạm giao thông, làm 04 người chết và 09 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn, va chạm giao thông giảm 28,6%, số người chết giảm 42,9%, số người bị thương giảm 43,7%.

Tính chung 11 tháng năm 2018, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 115 vụ tai nạn, va chạm giao thông, làm 67 người chết và 92 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn, va chạm giao thông giảm 8,7%, số người chết tăng 4,7%, số người bị thương giảm 27,0%.

## 7. Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Trong tháng 11/2018, cơ quan chức năng đã phát hiện và xử lý 15 vụ vi phạm các quy định về bảo đảm vệ sinh môi trường với tổng số tiền phạt 113 triệu đồng. Tính chung 11 tháng, đã phát hiện 382 vụ vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó xử lý 378 vụ với tổng số tiền phạt 1.851 triệu đồng.

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ cháy, nổ, thiệt hại ước tính 178 triệu đồng. Tính chung 11 tháng năm nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 32 vụ cháy, nổ làm 01 người chết, 03 người bị thương, thiệt hại ước tính 3.705 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước, số vụ cháy, nổ tương đương; số người chết giảm 75,0% và thiệt hại ước tính giảm 15,8%./. ✓

### Nơi nhận:

- Lãnh đạo tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Giám đốc các sở, ban, ngành;
- Bí thư huyện ủy, Thành ủy;
- Chủ tịch UBND huyện, TP;
- Trung tâm Công báo;
- Phòng Tổng hợp - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Chi cục TKê 12 huyện, TP; Phòng NV cục;
- Lưu: VT, TH (157b).



Phạm Hữu Sơn